

Số: 14 /QĐ-VPĐKĐĐ

Tây Ninh, ngày 03 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2022
của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh

GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 274/TB-STC ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Sở Tài chính về việc Thẩm định quyết toán ngân sách năm 2022;

Xét đề nghị của phòng Hành chính - Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2022 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh, cụ thể:

- Nội dung công khai: Số liệu quyết toán ngân sách năm 2022 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh (chi tiết theo phụ biểu đính kèm);
- Hình thức công khai: phát hành trên hệ thống egov, niêm yết tại trụ sở làm việc, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp, bộ phận Kế toán có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này. /s/

Nơi nhận:
- Sở TN&MT;
- Lưu: VT, BP. KT.
(Thuần)



GIÁM ĐỐC

Trần Quang Khải

Đơn vị: VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH TÂY NINH

Chương: 426

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 14 /QĐ-VPĐKĐĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024
của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5=4-3
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
I	Số thu phí, lệ phí	66.383,35	66.383,35	
1	Lệ phí	4.816,45	4.816,45	
	- Lệ phí cấp GCN QSDĐ, QSD nhà (Lệ phí địa chính)	4.816,45	4.816,45	
2	Phí	61.566,90	61.566,90	
	- Phí xác nhận thế chấp, giao dịch bảo đảm	3.640,01	3.640,01	
	- Phí khai thác sử dụng tài liệu	766,58	766,58	
	- Phí thẩm định hồ sơ cấp GCN	57.160,31	57.160,31	
II	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	17.359,80	17.359,80	
1	Lệ phí	4.816,45	4.816,45	
	- Lệ phí cấp GCN QSDĐ, QSD nhà (Lệ phí địa chính)	4.816,45	4.816,45	
2	Phí	12.543,35	12.543,35	
	- Phí xác nhận thế chấp, giao dịch bảo đảm	728,00	728,0	
	- Phí khai thác sử dụng tài liệu	383,29	383,29	
	- Phí thẩm định hồ sơ cấp GCN	11.432,06	11.432,06	
III	Số trích để lại sử dụng	49.023,55	49.023,55	
IV	Chi thường xuyên từ nguồn phí	13.904,28	13.904,28	
V	Chênh lệch thu chi nguồn phí	35.119,27	35.119,27	
1	Trích CCTL	1.755,96	1.755,96	

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
2	Trích các quỹ	33.363,31	33.363,31	
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước			
6	Chi hoạt động kinh tế	1.354,75	1.354,75	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.354,75	1.354,75	
	+ Kinh phí phục vụ công tác thu lệ phí (Loại 280 - Khoản 332)	1.199,75	1.199,75	
	+ Chi trợ cấp tiền Tết (Loại 370 - Khoản 398)	155	155	
C	Quyết toán thu, chi dịch vụ			
I	Tổng thu dịch vụ	85.421,41	85.421,41	
1	Thu dịch vụ đo đạc	85.283,77	85.283,77	
2	Thu lãi tiền gửi	137,64	137,64	
II	Nộp thuế GTGT, TNDN	8.535,26	8.535,26	
1	Nộp thuế GTGT	4.264,19	4.264,19	
2	Nộp thuế TNDN	4.271,07	4.271,07	
III	Số trích để lại sử dụng	76.886,15	76.886,15	
IV	Nộp trả theo Kết luận Thanh tra số 16/KL-TTr	2.914,29	2.914,29	
V	Chi thường xuyên từ nguồn dịch vụ	20.451,65	20.451,65	-
VI	Chênh lệch thu chi nguồn dịch vụ	53.520,21	53.520,21	
1	Trích CCTL	2.669,47	2.669,47	
2	Trích các quỹ	50.850,74	50.850,74	-

Ngày 03 tháng 01 năm 2024

Người lập



Nguyễn Thị Thuần

Giám đốc



Trần Quang Khải